

Nhập nội dung TBMT

Thông tin chung			
Số TBMT	20200518748-00	Ngày đăng tải	11/05/2020 10:03
Hình thức thông báo	Đăng lần đầu		
Loại thông báo	Thông báo thực		
Lĩnh vực	Hàng hóa		
Bên mời thầu	Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên		
Chủ đầu tư	HĐMSTTTS - Sở Tài chính Thái Nguyên, Số 5, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		
Tên gói thầu	Mua sắm tập trung, lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		
Phân loại	Hoạt động chi thường xuyên		
Tên dự toán mua sắm	Mua sắm tập trung, lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		
Chi tiết nguồn vốn	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác		
Loại hợp đồng	Trọn gói		
Hình thức lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu rộng rãi	Trong nước	
Phương thức	Một giai đoạn một túi hồ sơ		
Thời gian thực hiện hợp đồng	120 Ngày		

Cách thức tham dự thầu	
Hình thức dự thầu	Đấu thầu qua mạng
Thời gian nhận HSDT từ ngày	11/05/2020 10:03
Phát hành E-HSMT	Miễn phí
Địa điểm nhận E-HSDT	web site: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Địa điểm thực hiện gói thầu	Tỉnh Thái Nguyên

Mở thầu	
Thời điểm đóng/mở thầu	21/05/2020 10:15
Địa điểm mở thầu	website: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Dự toán gói thầu	6.984.602.000 VND
Số tiền bằng chữ	Sáu tỷ chín trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng chẵn

Bảo đảm dự thầu

Số tiền đảm bảo	80.000.000 VND
Số tiền bằng chữ	Tám mươi triệu đồng chẵn
Hình thức đảm bảo dự thầu	Thư bảo lãnh

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên bên mời thầu là: Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Mua sắm tập trung, lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên Tên dự toán là: Mua sắm tập trung, lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên Thời gian thực hiện hợp đồng là: 120 Ngày
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
E-CDNT 5.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: + Bên mời thầu: Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ: Số 5 Đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên + Chủ đầu tư: HDMSTTTS - Sở Tài chính Thái Nguyên, Số 5, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: + Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT + Tư vấn đánh giá E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu + Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT: Công ty TNHH tư vấn thiết bị và xây dựng Hà Nội – Địa chỉ: Tổ 24, P.Phân Đình Phùng, Tp.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. + Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty cổ phần tư vấn Quốc tế và xây dựng Hồng Phát – Địa chỉ: Số 438, Tổ 19, P.Thịnh Đán, Tp.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: - Bên mời thầu: Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ: Số 5 Đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên - Chủ đầu tư: HDMSTTTS - Sở Tài chính Thái Nguyên, Số 5, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
E-CDNT 10.1(g)	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Tài liệu chứng minh nguồn lực tài chính của nhà thầu; Thư ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối hợp lệ tại Việt Nam đối với hàng hóa, thiết bị chào thầu.
E-CDNT 10.2(c)	Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa: - Tất cả các hàng hóa phải phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật, chủng loại, số lượng, nguyên chiếc chất lượng mới 100% được đưa ra trong E-HSMT. Hàng hóa phải được vận hành chạy thử trước khi giao nhận và được bảo hành chính hãng, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, mã ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa. - Có đầy đủ catalog gốc và các tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh và tiếng Việt). - Các tài liệu hợp lệ khi giao hàng là bản gốc (hoặc bản sao công chứng hoặc chứng thực) gồm: Các chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (CO), chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu; Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước.
E-CDNT 12.2	Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau: Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau: Mẫu số 18 & 19 Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu
E-CDNT 14.3	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (đề yêu cầu phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng...): Tối thiểu 05 năm.

E-CDNT 15.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: + Nhà thầu phải có thư ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối hợp lệ tại Việt Nam đối với hàng hóa, thiết bị chào thầu. + Trường hợp có phức tạp khi xem xét tính hợp pháp của hàng hóa (liên doanh sản xuất, ủy quyền sản xuất, mua bán quyền để sản xuất, ủy quyền bán hàng...) nhà thầu phải cung cấp hồ sơ (có xác nhận của các bên liên quan, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ) về tính hợp pháp của hàng hóa. + Nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác
E-CDNT 16.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT ≥ 150 ngày.
E-CDNT 17.1	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 80.000.000 VND - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 180 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 25.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 26.4	Cách tính ưu đãi: Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì quy định hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.
E-CDNT 27.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt - Không đạt b) Đánh giá về kỹ thuật: Đạt - Không đạt c) Đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 27.2.1đ	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 29.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.1	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống là 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
E-CDNT 32	- Địa chỉ của Chủ đầu tư: HDMSTTTS - Sở Tài chính Thái Nguyên, Số 5, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: UBND tỉnh Thái Nguyên; Địa chỉ: Số 18 đường Nha Trang, phường Trung Vương, Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Hội đồng mua sắm tập trung tài sản - Sở Tài chính Thái Nguyên; Địa chỉ: Số 5, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
E-CDNT 33	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên, Địa chỉ: Số 18 đường Nha Trang, phường Trung Vương, Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
E-CDNT 34	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa: 15 % Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa: 15 %

Mẫu số 01A

PHẠM VI CUNG CẤP

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Mô tả hàng hóa	Ghi chú
1	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 9.000 BTU		187	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
2	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 12.000 BTU		198	Chiếc	Chi tiết tại chương V	
3	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 18.000 BTU		82	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
4	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 24.000 BTU		4	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
5	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 2 chiều Công suất: 9.000 BTU		15	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
6	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: Điều hòa 2 chiều Công suất: 12.000 BTU		62	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
7	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 2 chiều Công suất: 18.000 BTU		41	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
8	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 2 chiều Công suất: 24.000 BTU		15	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
9	Điều hòa tủ đứng, 1 chiều lạnh, công suất 28.000 BTU		37	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	
10	Điều hòa tủ đứng, 1 chiều lạnh, công suất 48.000 BTU		8	Chiếc	Chi tiết tại Chương V	

Mẫu số 01B

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN*Bên mời thầu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:*

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
-----	---------------	------------------------	-------------	-------------------------------	----------------------------

Mẫu số 02

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Thời gian thực hiện hợp đồng	120 Ngày
------------------------------	----------

Trường hợp cân bằng tiến độ thực hiện chi tiết cho từng loại hàng hóa thì Bên mời thầu lập thành biểu dưới đây, trong đó nêu rõ tên hàng hóa với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp cụ thể. Hàng hóa có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau tùy theo yêu cầu của gói thầu.

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm cung cấp	Tiến độ cung cấp theo yêu cầu của bên mời thầu
1	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 9.000 BTU	187	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
2	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 12.000 BTU	198	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
3	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 18.000 BTU	82	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
4	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 24.000 BTU	4	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
5	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 2 chiều Công suất: 9.000 BTU	15	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
6	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: Điều hòa 2 chiều Công suất: 12.000 BTU	62	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
7	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 2 chiều Công suất: 18.000 BTU	41	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
8	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 2 chiều Công suất: 24.000 BTU	15	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
9	Điều hòa tủ đứng, 1 chiều lạnh, công suất 28.000 BTU	37	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	
10	Điều hòa tủ đứng, 1 chiều lạnh, công suất 48.000 BTU	8	Chiếc	Tại các đơn vị sử dụng tài sản trên địa bản tỉnh Thái Nguyên	

Mẫu số 03

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2	Năng lực tài chính						
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nhà thầu kê khai số liệu tài chính theo báo cáo tài chính từ năm 2017 đến năm 2019 ⁽³⁾ để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 13
		Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.					
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 10.500.000.000,00 ⁽⁴⁾ VND, trong vòng 3 ⁽⁵⁾ năm gần đây.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 13
2.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu ⁽⁶⁾	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁷⁾ hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 1.500.000.000,00 ⁽⁸⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 14,15
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ⁽⁹⁾ theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽¹⁰⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽¹¹⁾ trong vòng 3 ⁽¹²⁾ năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): (i) Số lượng hợp đồng là 3, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là 5.000.000.000 VND. (ii) số lượng hợp đồng ít hơn hoặc nhiều hơn 3, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là 5.000.000.000 VND và tổng giá trị tất cả các hợp đồng ≥ 15.000.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10A, 10B

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
4	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác (13)	Nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác theo các yêu cầu như sau: Nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác theo các yêu cầu như sau: Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành. - Dịch vụ hỗ trợ và bảo hành được cung cấp trong vòng 24h/24h sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. - Thời gian khắc phục: + Đối với hàng hóa có thể sửa chữa tại đơn vị sử dụng tài sản: Thời gian sửa chữa thay thế là 03 ngày sau khi xác định được trách nhiệm của các bên. + Đối với hàng hóa không thể xử lý được tại đơn vị sử dụng tài sản, hai bên bàn bạc để thống nhất thời gian xử lý nhưng tối đa là không quá 05 ngày sau khi xác định được trách nhiệm của các bên	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	

Ghi Chú:

(1) Ghi số năm, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(3) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(4) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu trung bình hàng năm:

a) Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = (Giá gói thầu/ thời gian thực hiện hợp đồng theo năm) x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu x k

Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhiệm.

(5) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu nộp báo cáo tài chính tại tiêu chí 2.1 Bảng này.

(6) Thông thường áp dụng đối với những hàng hóa đặc thù, phức tạp, quy mô lớn, có thời gian sản xuất, chế tạo dài.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là từ 0,2 đến 0,3.

Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản scan cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động

hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định tại Mẫu số 14 và Mẫu số 15.

Nguồn lực tài chính được tính bằng tổng các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng (bao gồm cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với gói thầu này) hoặc các nguồn tài chính khác.

(9) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự.

Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;

- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét.

Trường hợp trong E-HSMT yêu cầu nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70% giá trị của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng sản xuất hàng hóa tương tự về chủng loại và tính chất với hàng hóa của gói thầu.

Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa, trong phần này chủ đầu tư, bên mời thầu phải quy định rõ hợp đồng tương tự được xét đối với từng loại hàng hóa (tức là có thể cộng phần giá trị của hàng hóa này ở các hợp đồng khác nhau để tính hợp đồng tương tự hoặc phải đảm bảo tương tự đối với một số loại hàng hóa chính (trong trường hợp này phải nêu rõ các hàng hóa chính là gì và việc tính hợp đồng tương tự thực hiện trên cơ sở cộng giá trị của hàng hóa này ở các hợp đồng khác nhau hoặc phải đáp ứng X hợp đồng, trong mỗi hợp đồng phải bao gồm đủ các hàng hóa chính này)).

(10) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(11) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(12) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu về doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại tiêu chí 2.2 Bảng này.

(13) Nếu tại Mục 15.2 E-BDL có yêu cầu thì mới quy định tiêu chí này.

Mẫu số 04

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định nhà thầu phải đề xuất các nhân sự chủ chốt thực hiện các công việc của gói thầu như: lắp đặt; hướng dẫn chạy thử, vận hành; đào tạo, chuyển giao công nghệ... Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt, trong E-HSDT nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Trình độ chuyên môn (Trình độ tối thiểu, Chứng chỉ hành nghề...)	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu _ năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu _ năm)
1	Cán bộ phụ trách quản lý dự án	1	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Nhiệt lạnh	3	2
2	Cán bộ phụ trách kỹ thuật lắp đặt, hướng dẫn chạy thử, vận hành; hướng dẫn sử dụng	8	Trình độ tối thiểu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên các ngành kỹ thuật Điện hoặc Nhiệt lạnh	3	2
3	Cán bộ phụ trách bảo hành thiết bị	2	Trình độ tối thiểu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên các ngành kỹ thuật Điện hoặc Nhiệt lạnh	3	2

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 11A, 11B và 11C Chương IV.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: HDMSTTTS - Sở Tài chính Thái Nguyên, Số 5, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:
E-ĐKC 1.11	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là:
E-ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng là:
E-ĐKC 4	Chủ đầu tư không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
E-ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: HDMSTTTS - Sở Tài chính Thái Nguyên, Số 5, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
E-ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: % giá hợp đồng - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày
E-ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:
E-ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ:
E-ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ
E-ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: - Giải quyết tranh chấp:
E-ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi Hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.
E-ĐKC 13.1	Giá hợp đồng: VND
E-ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: không được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 15.1	Tạm ứng:
E-ĐKC 16.1	Phương thức thanh toán:
E-ĐKC 20	Đóng gói hàng hóa:
E-ĐKC 21	Nội dung bảo hiểm:
E-ĐKC 22	- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: - Các yêu cầu khác:
E-ĐKC 23.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:
E-ĐKC 24	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: % Mức khấu trừ: %/ Năm Mức khấu trừ tối đa: %
E-ĐKC 25.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa:
E-ĐKC 25.2	Yêu cầu về bảo hành:
E-ĐKC 27.1(e)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:
E-ĐKC 28.4	Các trường hợp khác:
E-ĐKC 29.1(d)	Các hành vi khác: